

Số: 20/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng
và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6
năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ
Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường
xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều;*

*Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng
và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra
số 15/BC-BKTNS ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều

1. Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê.
2. Sửa chữa, gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều.
3. Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè.
4. Đắp đất, trồng cây chắn sóng.
5. Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê.
6. Kiểm tra đánh giá chất lượng công dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của công dưới đê.
7. Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè.
8. Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão, lũ.
9. Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; điểm canh đê.
10. Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão liên quan đến đê điều thuộc nhiệm vụ của tỉnh.
11. Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão.
12. Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

Điều 3. Nội dung, nhiệm vụ chi xử lý cấp bách sự cố đê điều

Các sự cố đê điều cần phải xử lý cấp bách để đảm bảo an toàn hệ thống đê là các sự cố phát sinh trước, trong và sau mùa lũ, bão hàng năm, những sự cố này chưa được đưa vào kế hoạch và bố trí trong dự toán duy tu, bảo dưỡng đê điều hàng năm, gồm:

1. Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè.
2. Xử lý nứt đê.
3. Xử lý sập tổ mối trên đê.
4. Xử lý sụt, lún thân đê.

5. Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

6. Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê.

7. Xử lý lỗ sùi, mạch sùi, bãi sùi, mạch đùn, bực đất, giếng phụt.

8. Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê.

9. Xử lý các sự cố hư hỏng công qua đê.

10. Hàn khâu đê.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 13 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 5 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh